

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Quốc Phong  
2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

Căn cứ vào điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- *Nguyên đơn*: Chị Tạ Thị M- sinh năm: 1994

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu T- sinh năm: 1991

Đều có địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. *Về con chung*: Chị Tạ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hữu Thanh D, sinh ngày 20/02/2015 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tạ Thị M không yêu cầu.

Anh Nguyễn Hữu T được quyền thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Tạ Thị M và các thành viên gia đình không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức:* Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Chị Tạ Thị M xin chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003587 ngày 08/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Tạ Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- Thi hành án DS;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thảo**